

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: CAO THỊ NỤ

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên: CAO THỊ NỤ

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: CAO THỊ NỤ

Mã SV:1412401212

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

- Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 20..

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng ... năm 20...

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Cao Thị Nụ

ThS. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp.
- Chịu khó, học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Đảm bảo tiến độ của bài viết theo quy định của Nhà trường, Khoa và giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán.
- Khóa luận được chia thành 3 chương có bố cục và kết cấu rõ ràng, hợp lý.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	12
1.1.Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	12
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:	13
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	14
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	16
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	16
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	16
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:	22
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:.....	26
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng	26
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	27
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	30
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	33
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	39
1.9.2,Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	40
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM.....	44
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam.	44
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam.	44

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam :.....	45
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam.	45
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.	46
2.2.1.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.	48
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.	74
2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam	78
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.	78
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM.....	87
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CP Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.....	87
3.1.1. Ưu điểm	87
3.1.2.Hạn chế	88
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	88
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	89
3.3.1. Kiến nghị1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.....	89
3.3.2 Kiến nghị2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.	92

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.	95
3.4.1. Về phía Nhà nước	95
3.4.2. Về phía doanh nghiệp	95
KẾT LUẬN	Error! Bookmark not defined.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong bất kỳ quốc gia nào, ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế...kế toán bao giờ cũng có vị trí đặc biệt quan trọng. Công tác kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam là bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Kế toán là công việc ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động tài chính của một tổ chức, một doanh nghiệp, một cơ quan nhà nước, một cơ sở kinh doanh tư nhân... Đây là một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng nhờ một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh hiện nay.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Lê Thị Nam Phương, em xin chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam năm 2017

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai khoáng Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất

kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

-Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 –“ Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+Doanh thu tương đối chắc chắn

- +Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- +Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- +Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

-Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- +Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - +Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - +Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

❖ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

❖ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

❖ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

❖ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

❖ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

❖ *Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:*

❖ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

❖ Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

- ❖ Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- ❖ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.
- ❖ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).
- ❖ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

– Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

– Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

– Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp

– Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí

– Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn

– Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp

– Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

** Chứng từ sử dụng:*❖ Chứng từ sử dụng

❖ Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT

❖ Hợp đồng kinh tế

❖ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

❖ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.

❖ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2

+ *Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ *Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ *Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+ *Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá:* Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

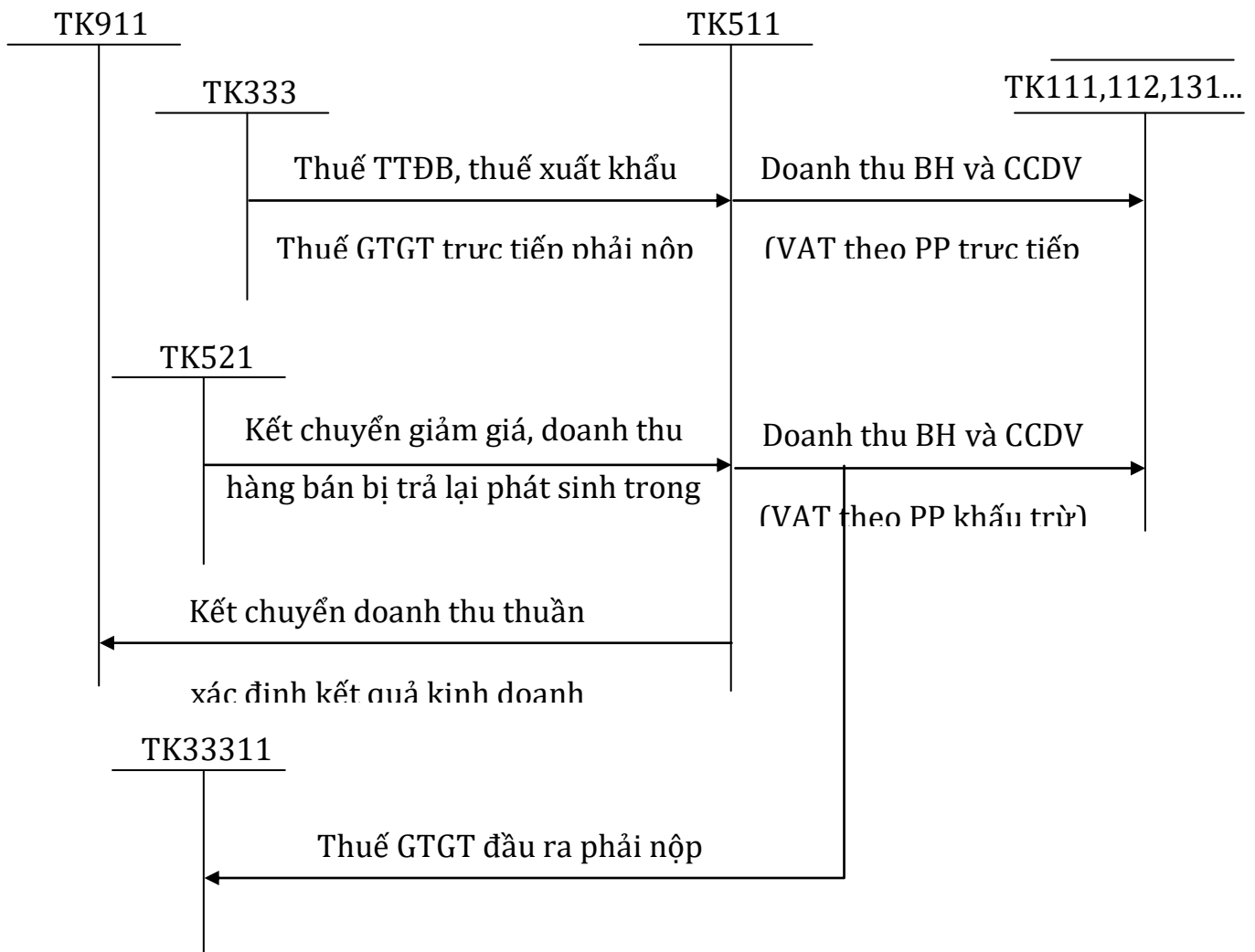
+ *Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+ *Tài khoản 5118- Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

-Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp) •Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại •Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> •Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán •Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng 	

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán*Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu****Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ khác.

**Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chỉ hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

Kết cấu TK 5211:

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán
Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212:

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra 	<ul style="list-style-type: none"> •Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511) 	
TK 5212 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận.

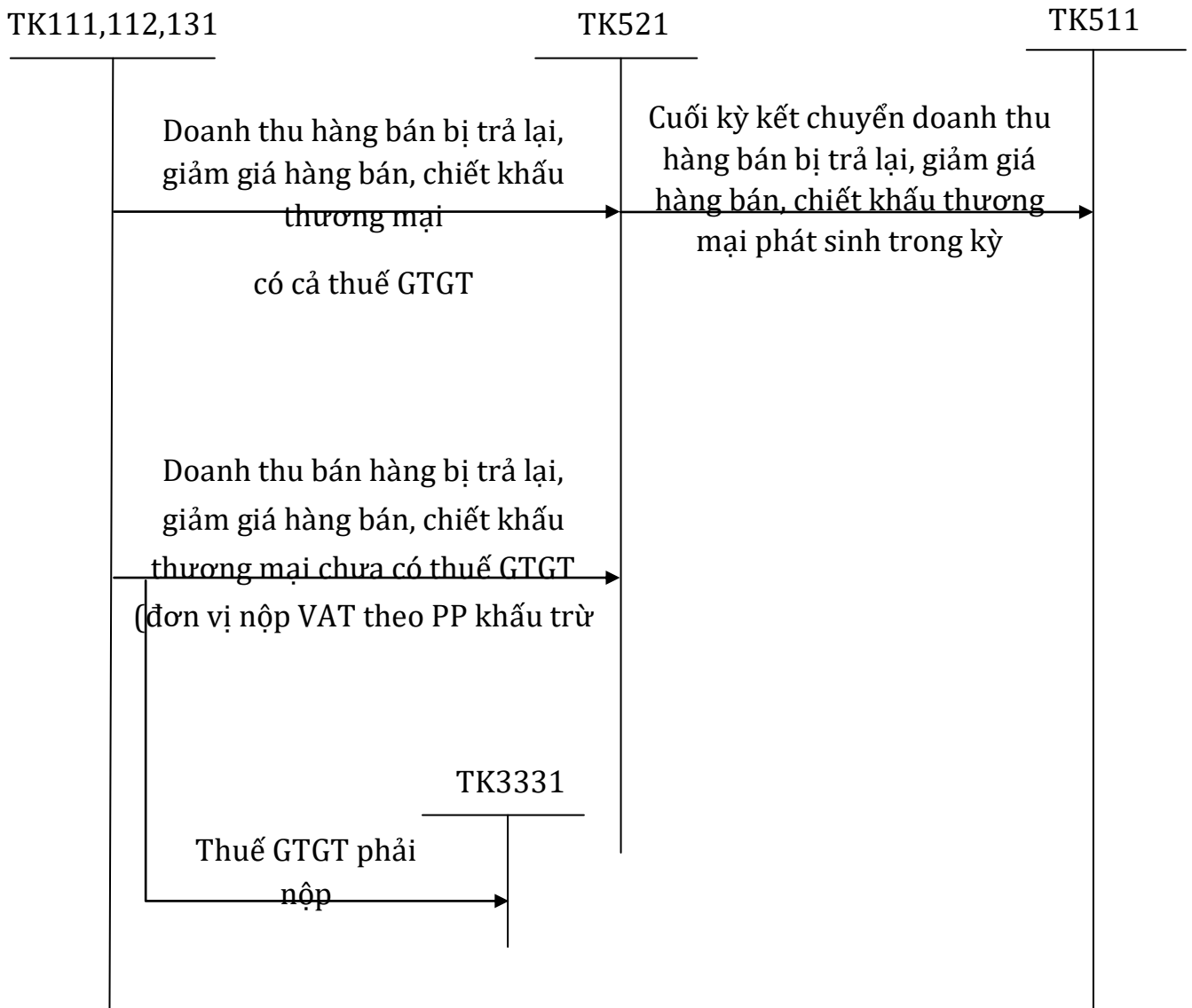
Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là khi đã có hoá đơn bán hàng

Kết cấu TK 5213:

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận 	<ul style="list-style-type: none"> •Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu 	
TK 5213 không có số dư cuối kỳ		

**Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

**Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho*

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua

hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

**Chứng từ sử dụng:*

+Hóa đơn GTGT

+Phiếu xuất kho

Tài khoản sử dụng:TK 632 – Giá vốn hàng bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

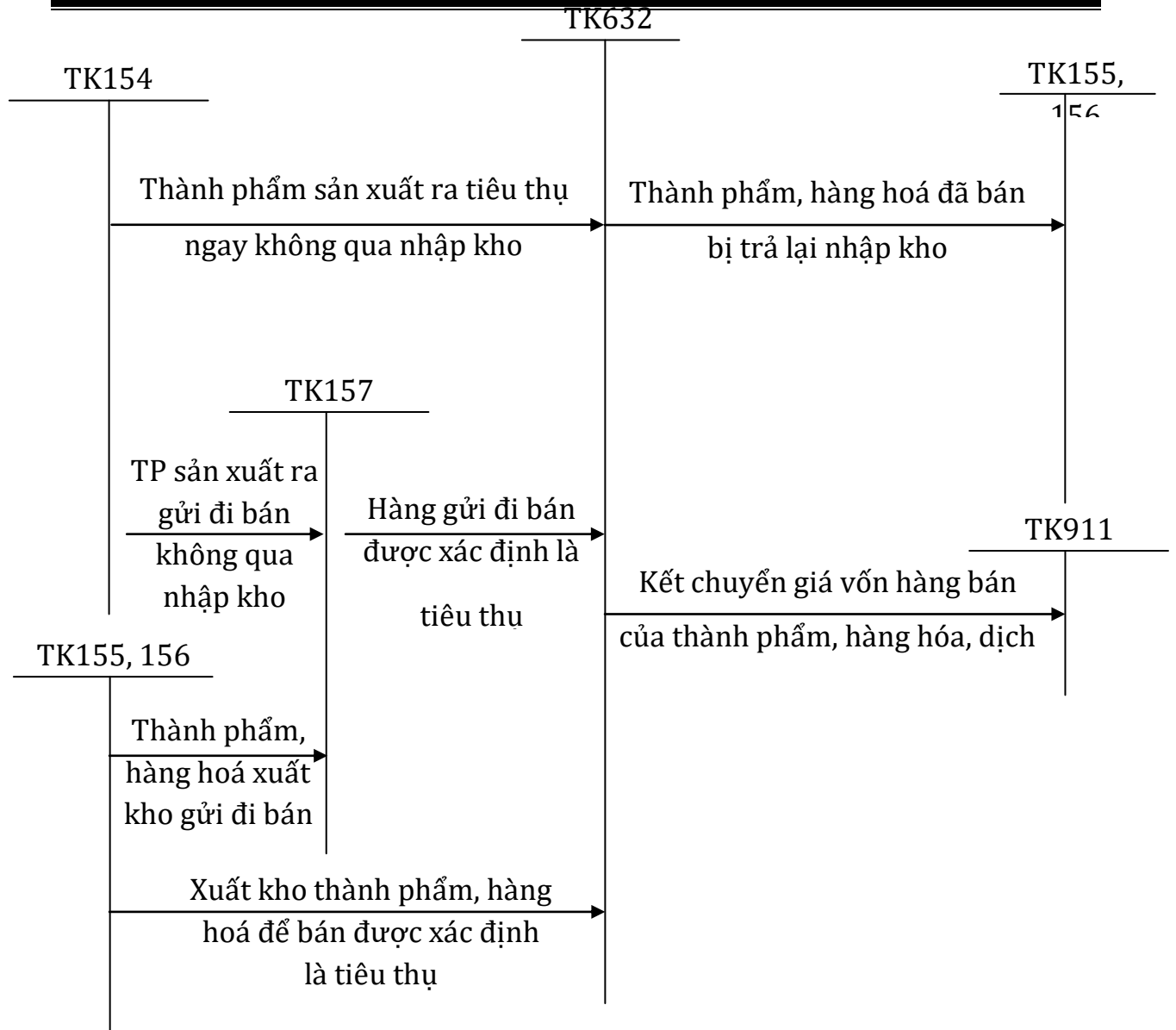
Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kế cấu tài khoản:

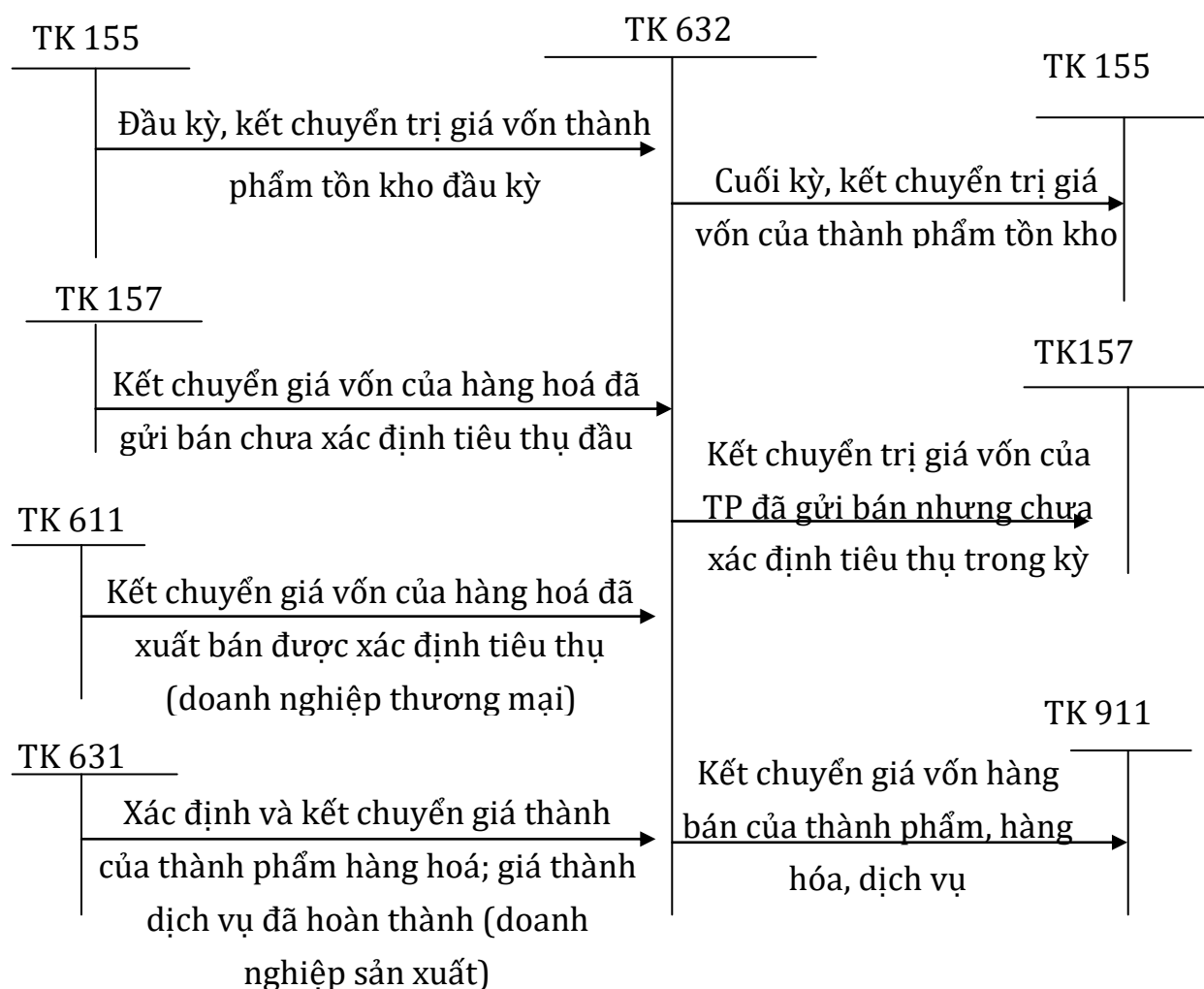
Nợ	TK 632	Có
Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.		Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh
Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường,		Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ		
Giá hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra		
Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước		

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

**Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

*Chứng từ sử dụng:

- +Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- +Phiếu thu, phiếu chi
- +Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- +Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- +Các chứng từ khác có liên quan

**Tài khoản sử dụng:*Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng...

Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641	Có
•Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		•Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK911
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản cấp 2:

- +TK 6411: Chi phí nhân viên
- +TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- +TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- +TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- +TK 6415: Chi phí bảo hành
- +TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- +TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- +*Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:**Chứng từ sử dụng:*

- +Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- +Phiếu thu, phiếu chi
- +Giấy báo nợ
- +Bảng kê thanh toán tạm ứng

+Các chứng từ khác có liên quan

**Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642 – Chi phí QLDN	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ •Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả 		<ul style="list-style-type: none"> •Các khoản ghi giảm chi phí QLDN •Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả •Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản cấp 2:

+TK 6421: chi phí nhân viên quản lý

+TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

+TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

+TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

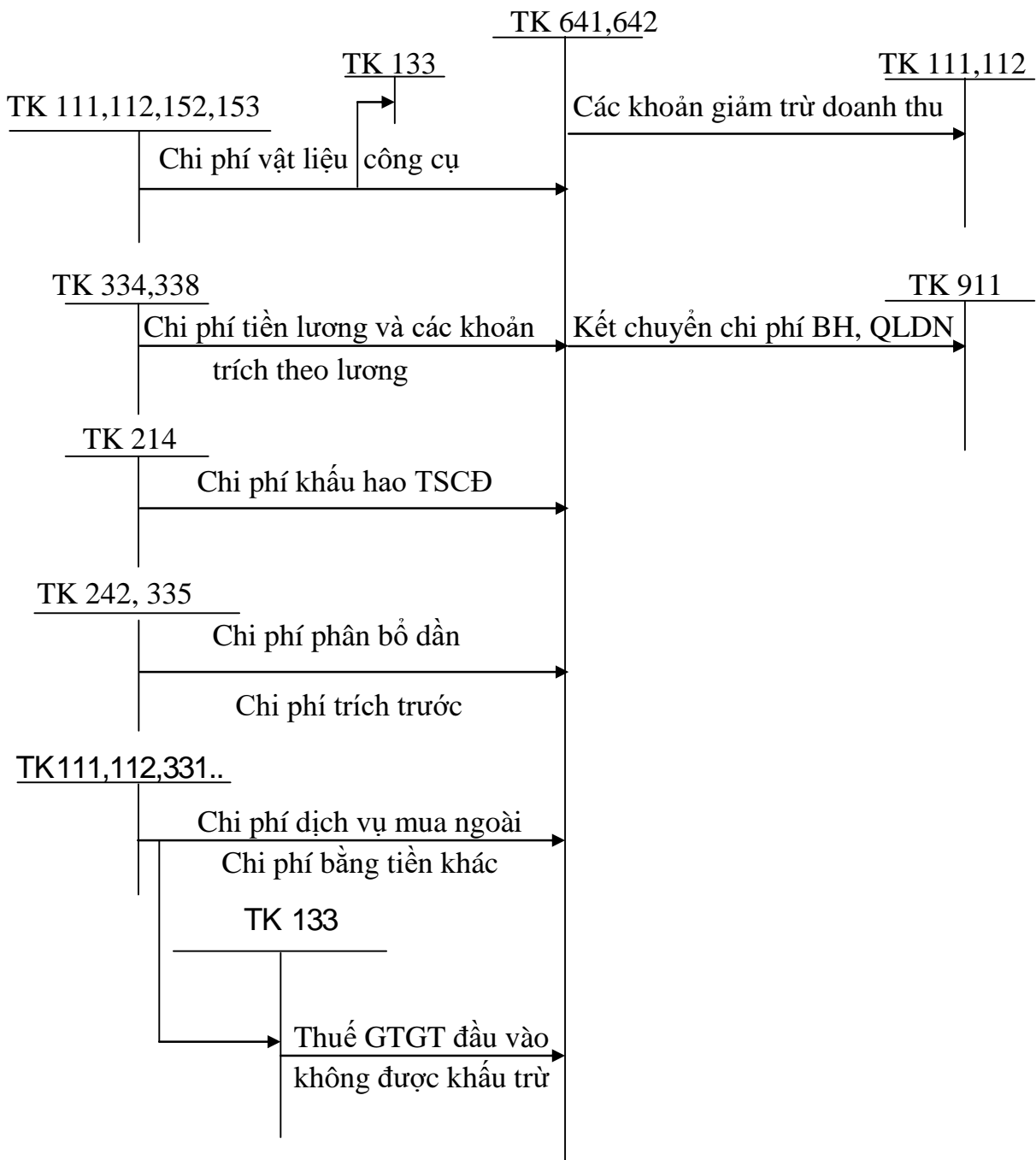
+TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

+TK 6426: Chi phí dự phòng

+TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

**Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

**Chứng từ sử dụng:*

- +Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- +Phiếu thu, phiếu chi
- +Các chứng từ có liên quan

**Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

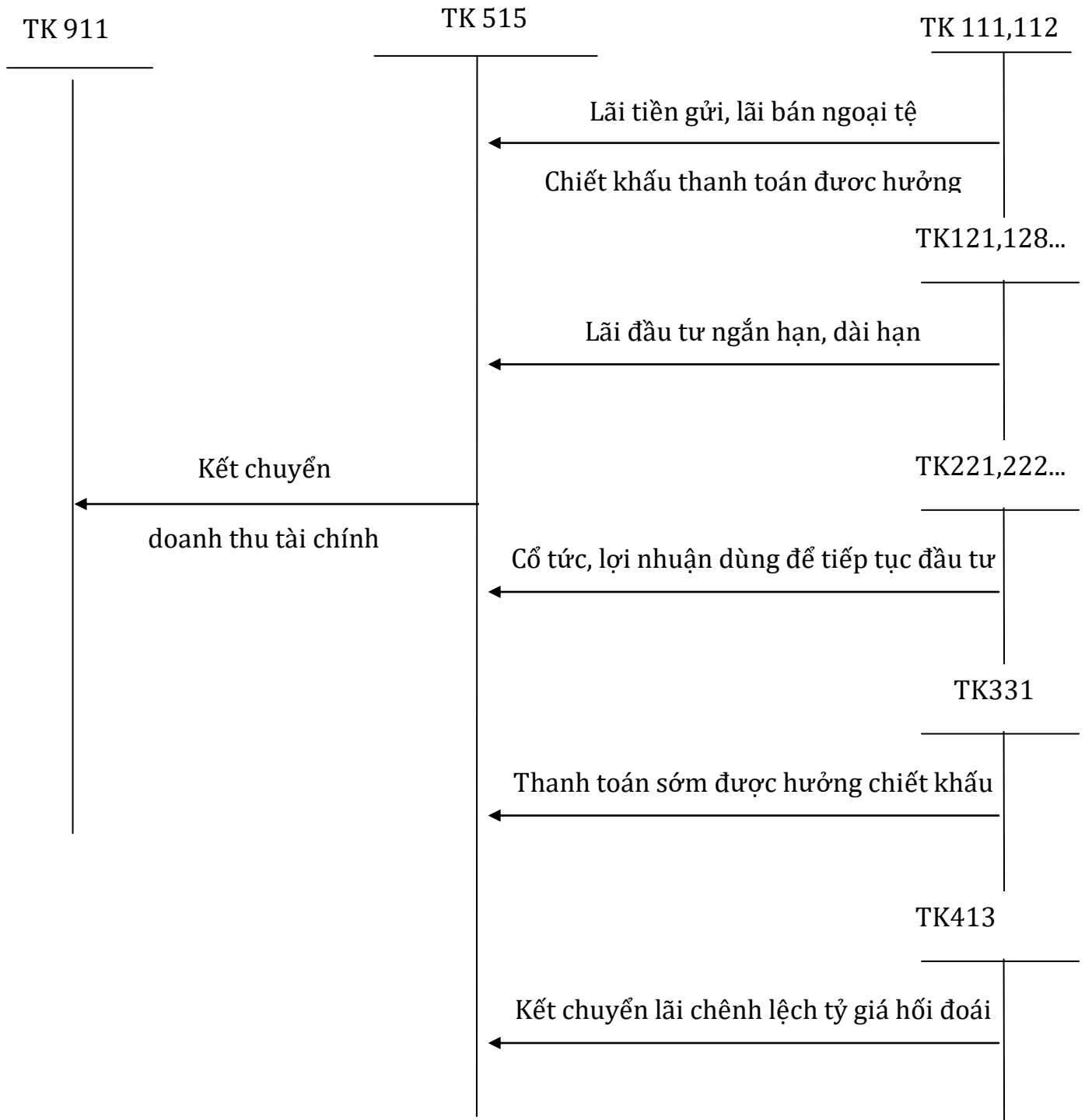
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có) •Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> •Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ •Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính

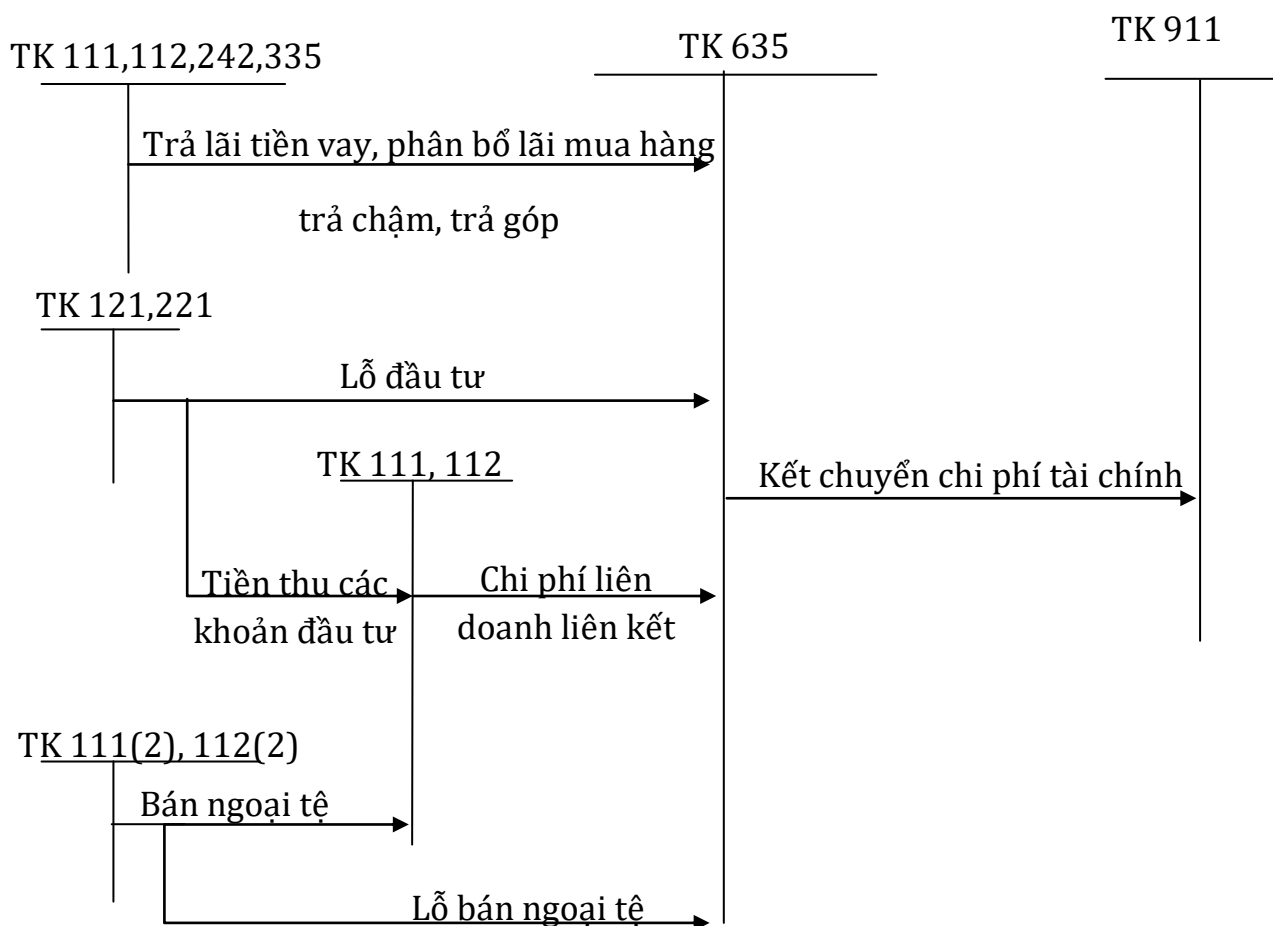
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán....

Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Tập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> •Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

**Phương pháp hạch toán chi phí tài chính*



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác**Chứng từ sử dụng:*

+Phiếu thu, phiếu chi

+Hóa đơn GTGT

+Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ

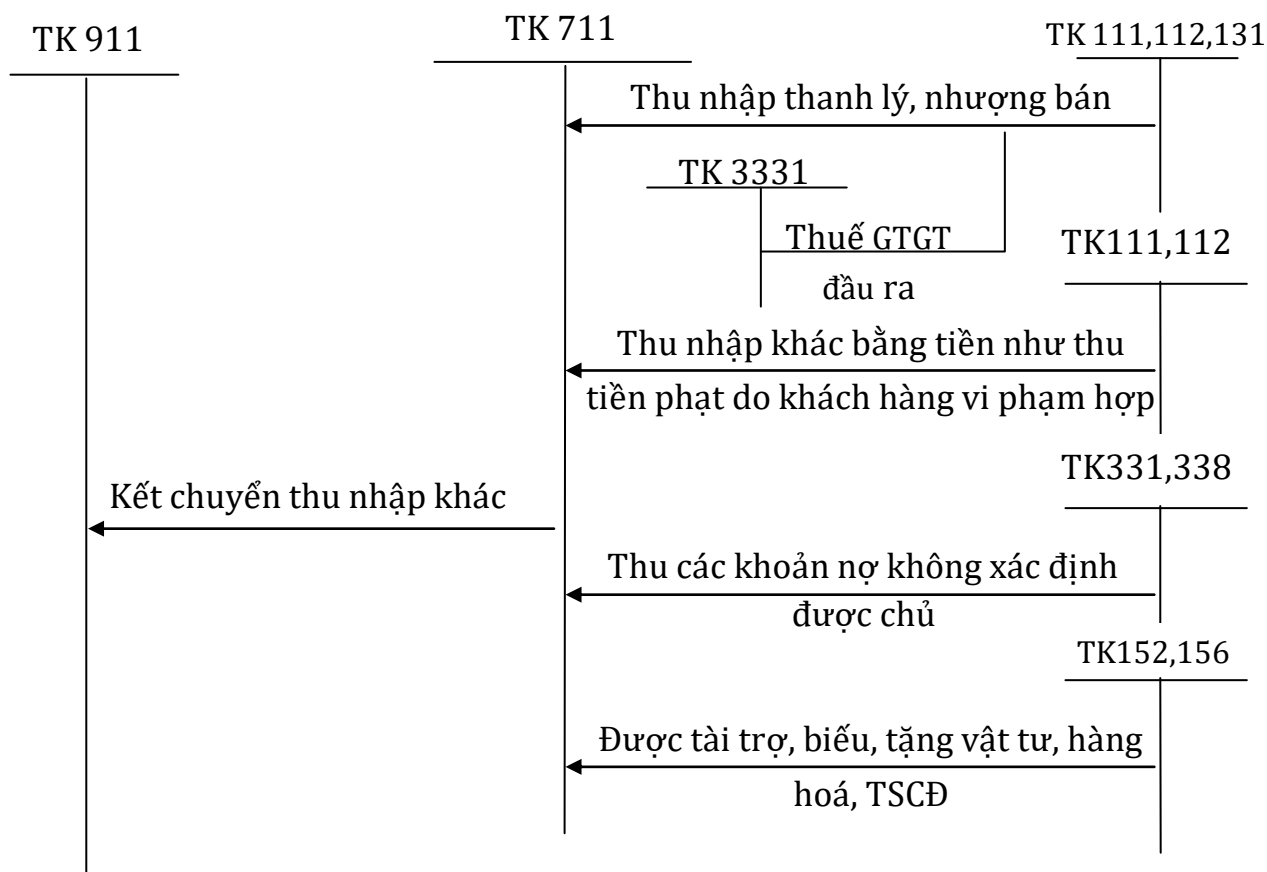
+Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng*Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

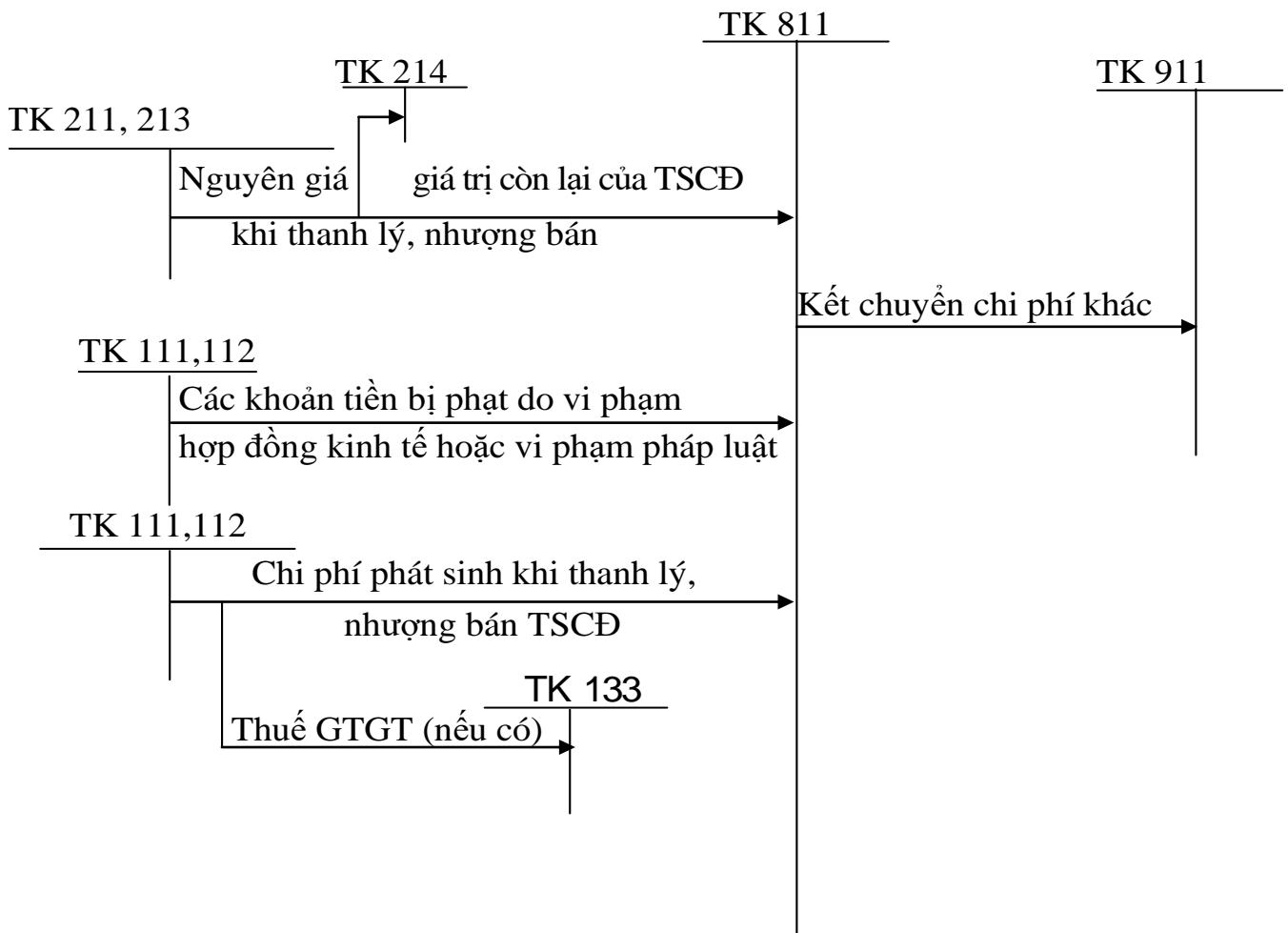
Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác •Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> •Các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh 	
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

Phương pháp hạch toán**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác****Tài khoản 811 – Chi phí khác:**

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

**Phương pháp hạch toán**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác*

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

**Chứng từ sử dụng:*

- +Phiếu kế toán
- +Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- +Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- +Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- +Các chứng từ khác có liên quan

**Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm •CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót 	<ul style="list-style-type: none"> •Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh 	
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác •Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> •Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. •Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác •Kết chuyển Lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

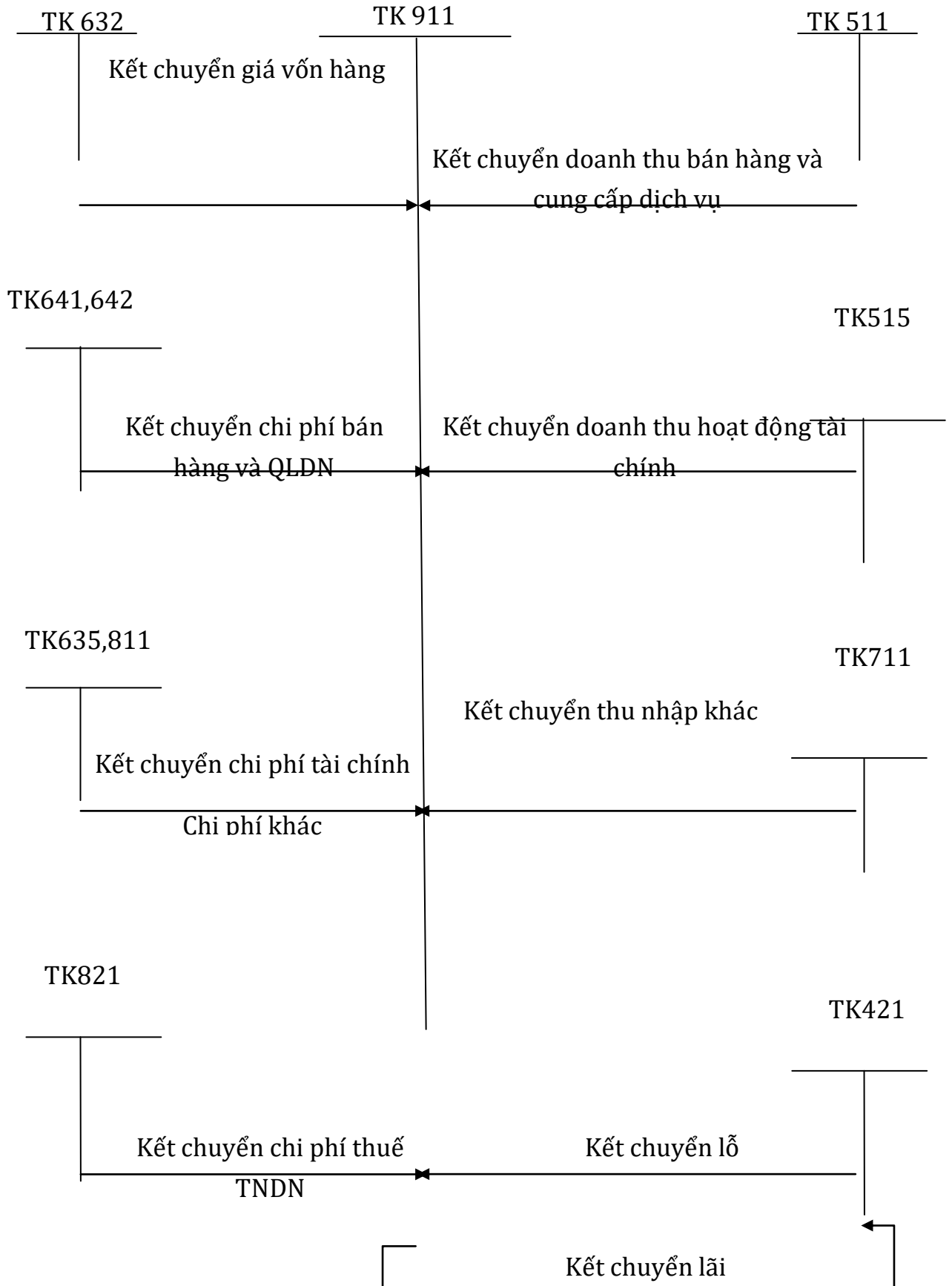
Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> •Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp •Trích lập các quỹ của doanh nghiệp •Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu •Bổ sung vốn đầu tư của CSH 		<ul style="list-style-type: none"> •Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ •Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản cấp 2:

+TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

+Phương pháp hạch toán



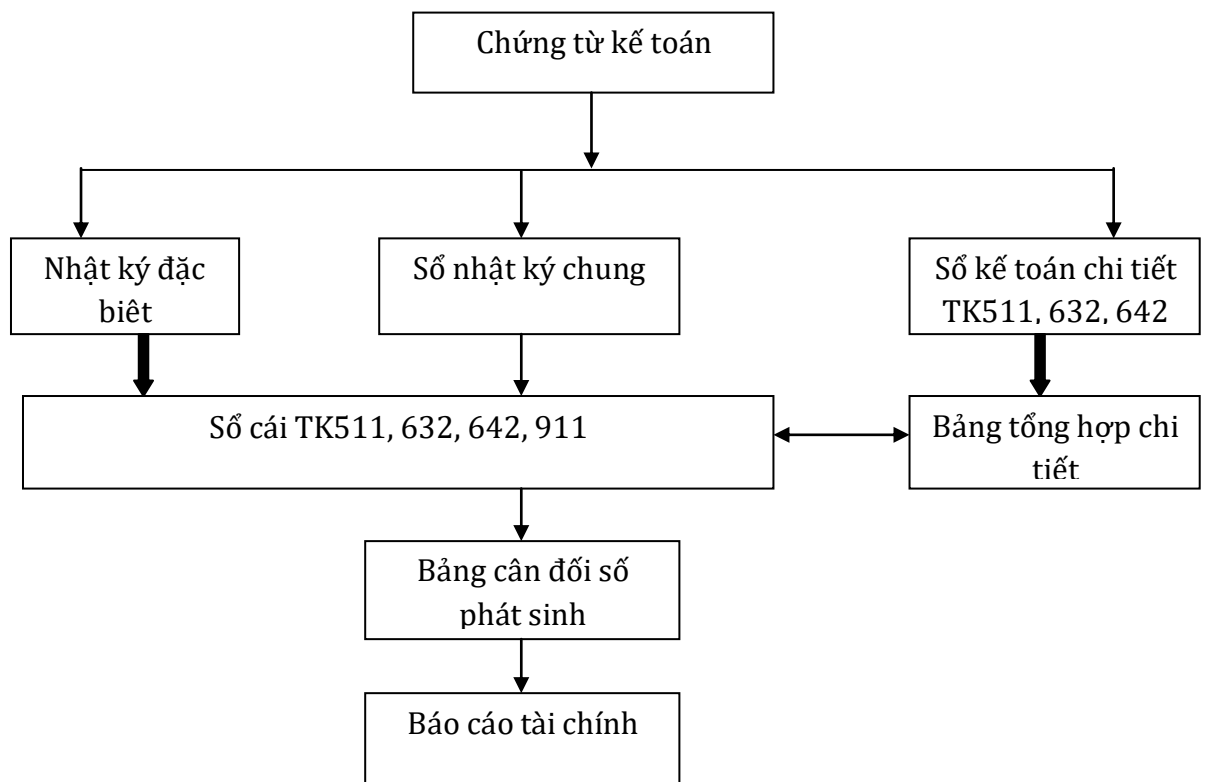
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Sơ đồ trình tự ghi sổ:

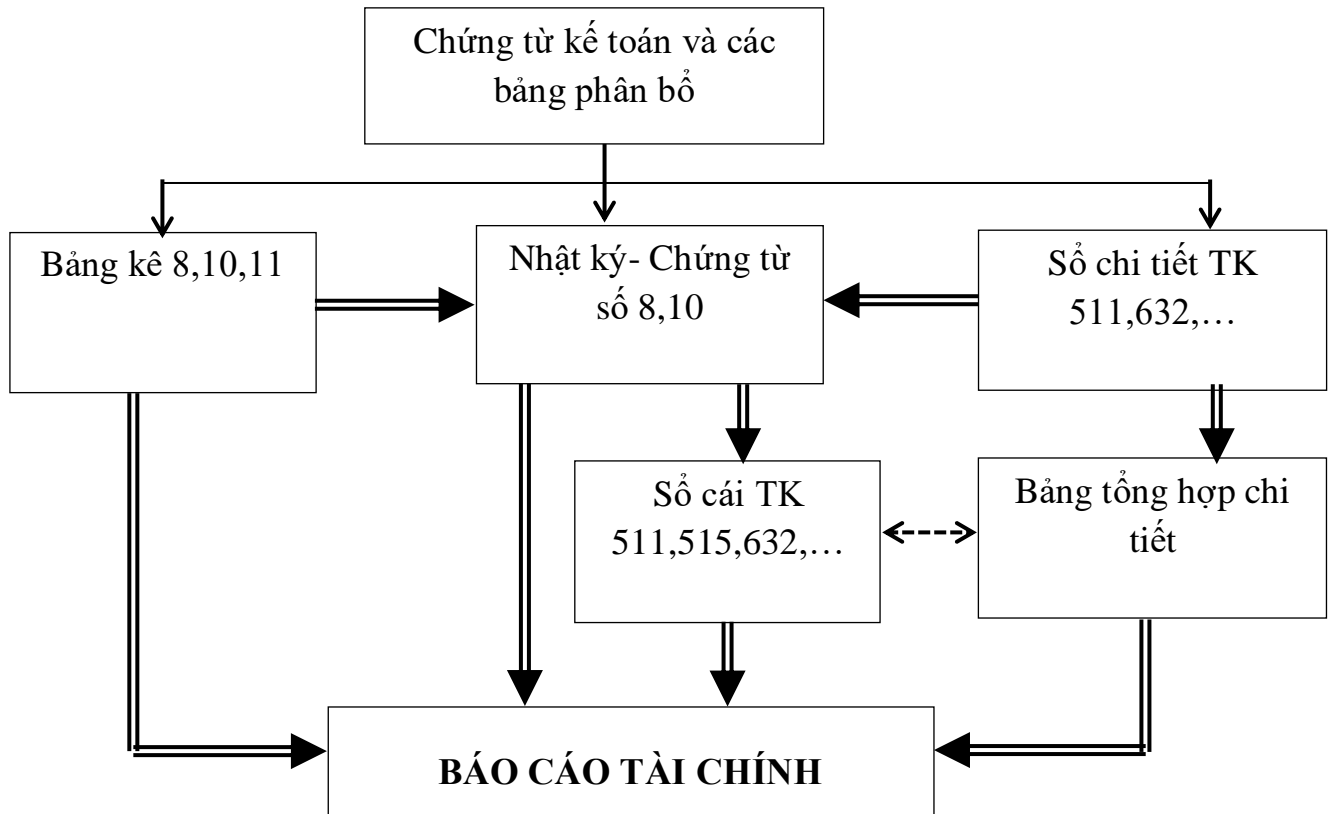


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.9.2, Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

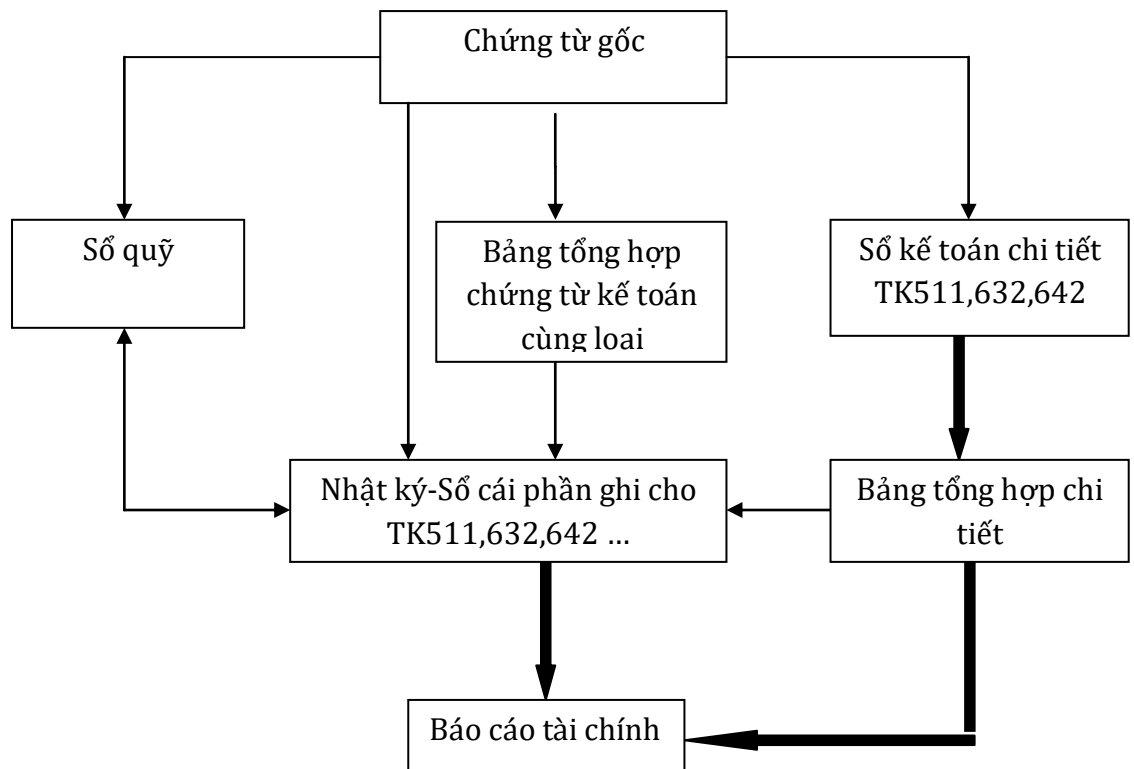


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi định kỳ
- ←-.-.-> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ

1.9.3, Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

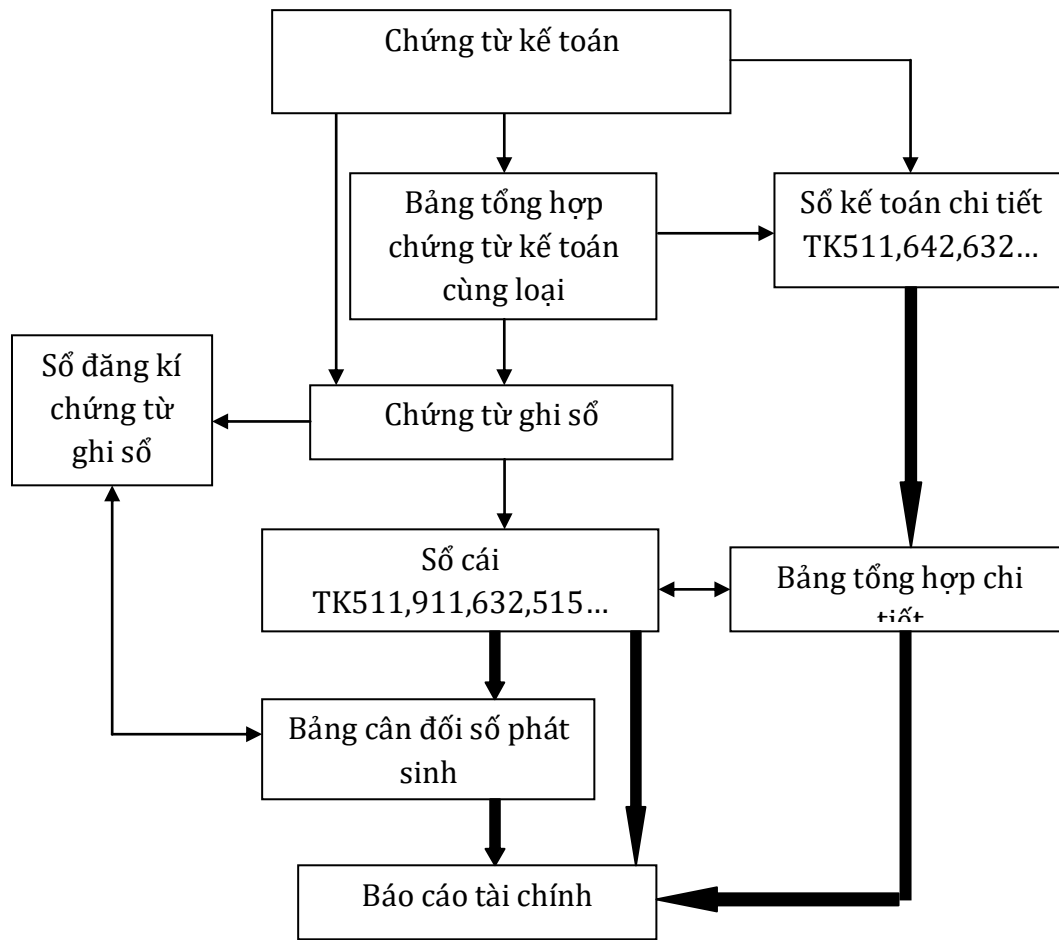


Ghi chú:

- Ghi chú hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.9.4, Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

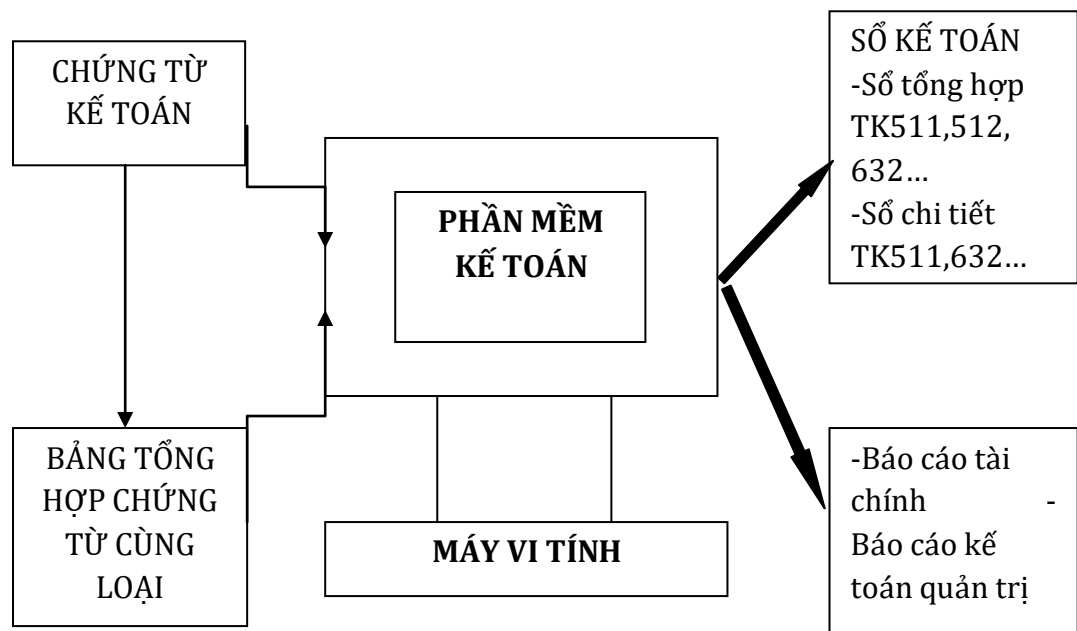


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

1.9.5 Hình thức kế toán máy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM.

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT
- Địa chỉ: Số 671, lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Tel: 0225.6586.620
- Mã số thuế: 0201296780
- Người đại diện pháp lý: Cao Văn Kiên
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại
- Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu
- Ngành nghề kinh doanh: bán buôn Gỗ, Xay xát và sản xuất bột thô....

Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam thành lập ngày 07 tháng 05 năm 2013

Giấy phép đăng ký kinh doanh số do Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh cấp. Đến nay, Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam đã trở thành một mô hình kinh doanh rộng rãi, có uy tín tại tỉnh Hải Phòng. Với hơn 10 nhân viên, Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam đã đang ngày càng mở rộng địa bàn hoạt động hơn nữa. Với định hướng chiến lược đúng đắn Công ty Khai Khoáng Việt Nam đã và đang đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kể.

Công ty Khai Khoáng Việt Nam đã áp dụng hệ thống quản lý chuyên nghiệp cùng đội ngũ nhân lực có trình độ cao. Đến nay Công ty Khai Khoáng Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong hoạt động kinh doanh.

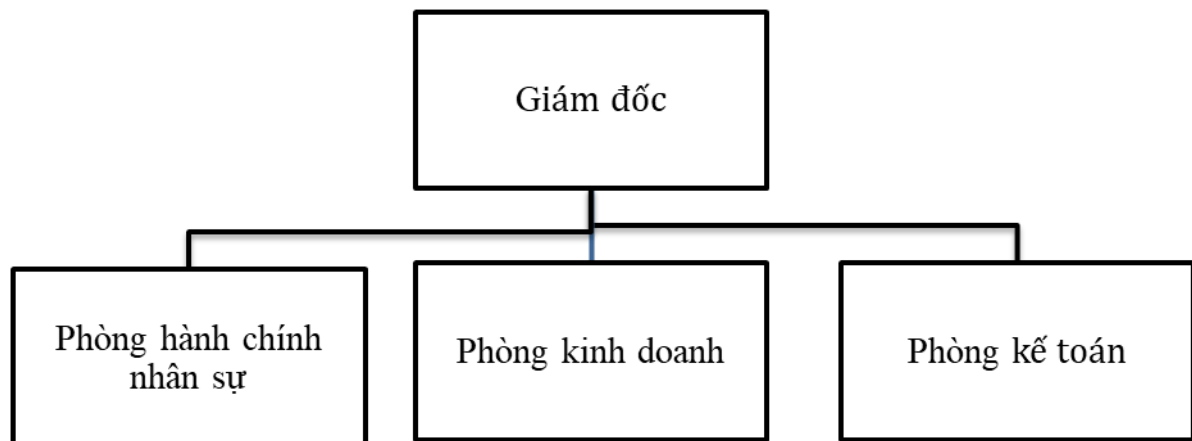
Bên cạnh đó Công ty Khai Khoáng Việt Nam cũng đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh bằng việc môi giới thương mại mở rộng các quan hệ đầu tư, hợp tác nhằm phát huy tối đa lợi thế về nguồn lực tài

chính và con người tạo nền tảng vững chắc giúp Công ty Khai Khoáng Việt Nam nhanh chóng tạo được nhiều bước phá trong giai đoạn tới.

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam :

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam theo lĩnh vực hoạt động
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam theo được hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam theo năm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần đầu tư khai khoáng Việt Nam.

Giám đốc: là đại diện pháp nhân của công ty, là người chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định hiện hành. Giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh có quyền quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty theo nguyên tắc gọn nhẹ đảm

bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Giám đốc đóng vai trò quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của công ty.

Phòng hành chính nhân sự: làm chức năng văn phòng và tổ chức lao động tiền lương, có nhiệm vụ quản lý hồ sơ, quản lý quỹ tiền lương, tổ chức thực hiện chính sách đối với người lao động, tiếp nhận, sắp xếp cán bộ công nhân viên trong công ty cho phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ kinh doanh. Theo dõi công tác kỷ luật khen thưởng trong công ty.

Phòng kế toán: quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn của công ty sao cho đúng mục đích và hiệu quả nhất. Phòng kế toán có trách nhiệm ghi chép các nghiệp vụ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty, xác định kết quả hoạt động kinh doanh lập báo cáo tài chính theo quy định. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty nhằm cung cấp các thông tin cho người quản lý để đưa ra những phương án có lợi nhất cho công ty.

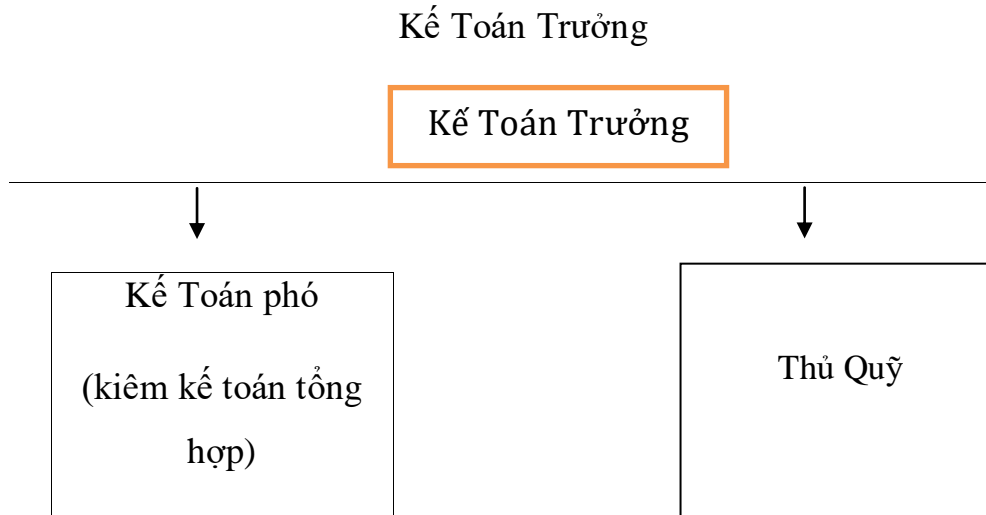
Phòng kinh doanh: Tiếp thị, giao dịch với khách hàng, giới thiệu sản phẩm của Công ty, tham gia dự kiến kế hoạch kinh doanh, phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trên thị trường. Khai thác, khảo sát tìm kiếm thị trường, cung cấp các thông tin về khách hàng, phân tích hoạt động kinh tế, khả năng nhu cầu mua sắm sản phẩm của khách hàng, phản ánh và đề xuất kịp thời các vướng mắc trong việc tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến kế hoạch kinh doanh. Chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo Công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại

Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

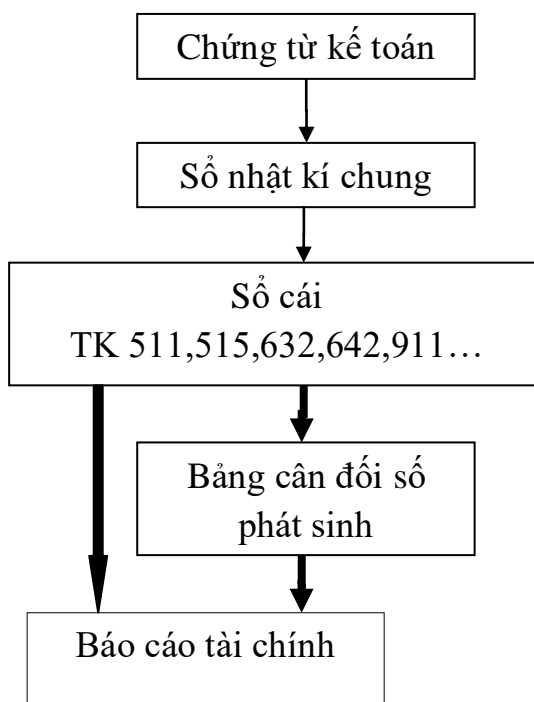
Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam. được tổ chức theo hình thức tập chung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập chung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc quyết định.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCD áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

Ghi chú \longrightarrow Ghi chú hàng ngày
 \longrightarrow Ghi chú định kỳ

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

2.2.1.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu tiền
- Giấy báo có

b) Tài khoản sử dụng

- TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c) Phương pháp hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 17/06 Bán hàng Gỗ Gỗ Doussie cho công ty TNHH Minh Chính theo hóa đơn GTGT (biểu 2.1) số tiền 212.000.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thanh toán tiền,

Định khoản:

Nợ TK 131: 233.200.000

Có TK 511: 212.000.000

Có TK 3331: 21.200.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000060 (biểu 2.1), kế toán ghi vào Nhật kí chung (biểu 2.4)

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000060

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/15P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000060		
Ngày 17 tháng 06 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam					
Mã số thuế: 0201296780					
Địa chỉ: số 671 lô 22 Đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH Minh Chính.....					
Mã số thuế:... 0600343143.....Điện thoại:.....					
Địa chỉ: S ố 188 Tân Giang, Xã Nam Thanh, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.....					
Hình thức thanh toán: CK.....; Số tài khoản					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn v tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	= 1 x 2
01	Gỗ Gõ (Doussie) xe nhập Khẩu, Xuất theo tờ khai số 101014657030	M3	20	10.600.000	212.000.000
Cộng tiền hàng:					212.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			21.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					233.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 2: Ngày 20/06 Bán hàng Gỗ Hương Kosso cho công ty CP đầu tư XNK Đức Minh theo hóa đơn GTGT (biểu 2.2) số tiền 594.000.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có (biểu 2.3)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000062 (biểu 2.2), giấy báo có số 0000098 (biểu 2.3) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (biểu 2.4)

Biểu số 2.2: Hoá đơn GTGT số 0000062

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/15P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000062		
Ngày 20 tháng 06 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam					
Mã số thuế: 0201296780					
Địa chỉ: số 671 lô 22 Đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
.....					
Tên đơn vị: Công Ty CP đầu tư XNK Đức Minh					
.....					
Mã số thuế: 0201303290.....Điện thoại:.....					
Địa chỉ: Số 36 Lô 26D, Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.					
.....					
Hình thức thanh toán: CK.....; Số tài khoản					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A		C	1	2	= 1 x 2
1	Gỗ Hương (Kosso) xẻ nhập Khẩu, Xuất theo tờ khai số 101040018952 và TK số 101040041461 ngày 01/06/2016	m3	49,5	12.000.000	594.000.000
Cộng tiền hàng:					594.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			59.400.000
Tổng cộng tiền thanh toán					653.400.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.3 :Giấy báo có

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát
vnbtriển nông thôn Trần Phú Hải Phòng**

**GIẤY BÁO CÓ**

Số No: 0000098

Ngày 20/06/2017

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG BENEFICIARY**Số tài khoản**A/c number: : 2125201004525**Tên Tài khoản**A/c name: Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.Số tiền bằng số Amount
in figures**653.400.000 VNĐ****ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** PAYMENT Công ty CP đầu tư XNK Đức Minh.**Số tài khoản**A/c number: 2125201005432**Tên Tài khoản**A/c name: Công ty CP đầu tư XNK Đức Minh .**Số tiền bằng chữ** Amount in words: Sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn./**Nội dung** Remarks: Công ty CP Đầu tư XNK Đức Minh thanh toán tiền hàng.**Giao dịch viên**

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung năm 2017

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Mẫu số S03b -DN

Địa chỉ: số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, HP

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Phát sinh trong năm			

17/06	HĐ0000060	17/06	Bán hàng Gỗ Doussie cho công ty Minh Chính	131	233.200.000	
				511		212.000.000
				3331		21.200.000

20/06	HĐ0000062 GBC000009 8	18/06	Bán hàng Gỗ Kosso cho cty Đức Minh	112	653.400.000	
				511		594.000.000
				3331		59.400.000

			Cộng phát sinh		432.340.820. 427	432.340.820.42 7

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.4) kế toán ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 2.5) như sau|:

Biểu số 2.5: Trích Sổ Cái TK 511

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Địa chỉ: số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, HP

Mẫu số S03b –DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
17/06	HĐ0000060	17/06	Bán hàng Gỗ Doussie cho công ty Minh Chính	131		212.000.000
...
20/06	HĐ0000062 GBC00000 98	20/06	Bán hàng Gỗ Kosso cho cty Đức Minh	112		594.000.000
...
...
			Cộng SPS		45.334.661.713	45.334.661.713
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.1.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ Chứng từ sử dụng

-Phiếu xuất kho

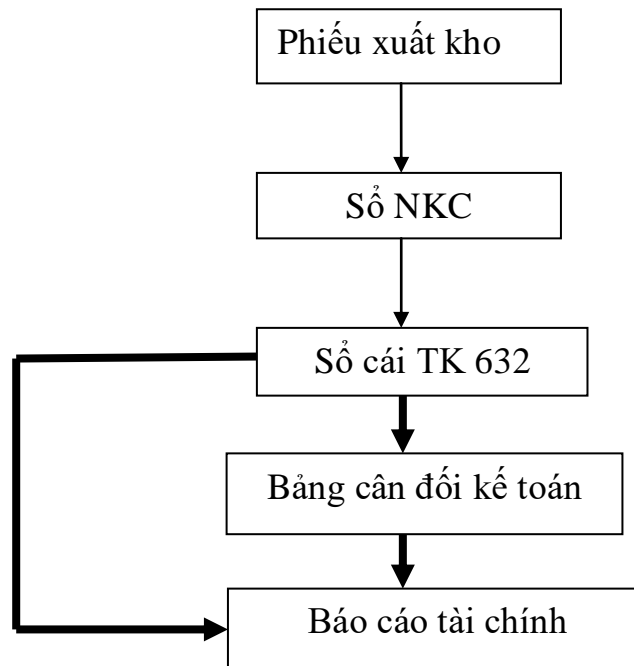
-Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ kết toán sử dụng

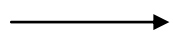
-Sổ nhật ký chung

-Sổ cái TK 632

❖ Trình tự hạch toán



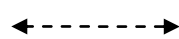
Chú thích:



Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu

Ví dụ minh họa:

Tiếp tục ví dụ 1: Ngày 17/06 công ty xuất kho bán hàng Gỗ Gỗ(Doussie) cho công ty TNHH Minh Chính khách hàng chưa thanh toán theo HĐ số 0000060 số tiền 212.000.000 đồng. (chưa thuế VAT 10%)

Căn cứ vào Sổ chi tiết 156-Gỗ Gỗ Doussie (biểu 2.7) kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau.

$$\text{Đơn giá xuất kho của Gỗ Doussie} = \frac{181.920.000+19.164.000+6.291.790}{20} = 10.368.789,50$$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: Nợ TK 632: 207.375.790

Có TK 156: 207.375.790

Căn cứ vào phiếu xuất kho 080 (biểu 2.6) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.11)

Biểu số 2.6: Phiếu Xuất kho

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư
và khai Khoáng Việt Nam.

PHIẾU XUẤT KHO

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Số 671 lô 22 Đường Lê
Hồng Phong, P. Đông Khê, NQ,
Hải Phòng

Ngày 17 tháng 06 năm 2017
Số: P XK080

(Ban hành theo TT 200/2014-
BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
Chính)

NợTK 632:

CóTK 156:

Họ và tên người nhận hàng: Công TY TNHH Minh Chính

Địa chỉ :

Lý do xuất: bán Gỗ Kosso

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gỗ Gỗ(Doussie)	GG(Doussie)	m ³	20	20	10.368.789,50	207.375.790
	Tổng			20	20	10.368.789,50	207.375.790

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm linh bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm
nghìn bảy trăm chín mươi đồng./

-Chứng từ gốc kèm theo

Ngày 17 tháng 06 năm 2017

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Biểu số 2.7: Trích sổ chi tiết Hàng Hóa**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM
SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ, HÀNG HÓA****Tháng 06****Tài khoản: 156****Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Gỗ Gỗ Doussie****Đơn vị tính:m3**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu tháng								
...	
PNK075	15/06	Mua hàng hóa	331	10.368.789,5 0	20	207.375.790			20	207.375.790
PXK080	17/06	Xuất kho hàng bán	632	10.368.789,5 0			20	207.375.790		
.....	
		Cộng phát sinh			20	207.375.790	20	207.375.790		

*Người lập**Kế toán trưởng**Giám đốc*

Tiếp tục ví dụ 2: Ngày 20/06 Bán hàng Gỗ Hương (Kosso) cho công ty CP đầu tư XNK Đức Minh theo hóa đơn GTGT (biểu 2.2) số tiền 594.000.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có (biểu 2.3)

Căn cứ vào Sổ chi tiết 156-Gỗ Hương Kosso (biểu 2.9) kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho của} \\ \text{Kosso} \end{array} = \frac{(337.689.000+53.149.827)+(168.844.500+26.803.790)}{33+16,5} = 11.848.224,59$$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: -a, Nợ TK 632: 390.991.412

Có TK 156 : 390.991.412

ĐK: -b, Nợ TK 632: 195.495.705

Có TK 156 : 195.495.705

Căn cứ vào phiếu xuất kho 085 (biểu 2.8) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.11)

Biểu số 2.8: Phiếu Xuất kho

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và
Khai Khoáng Việt Nam

PHIẾU XUẤT KHO**Mẫu số 02-VT**

Địa chỉ: Số 671, Lô 22, Lê Hồng
Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô
Quyền, TP. HP

Ngày 20 tháng 06 năm
2017

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014-BTC ngày 22/12/2014
của BTC)

P XK085

Nợ TK 632:

Có TK 156:

Họ và tên người nhận hàng: Cao Văn Trung

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Lý do xuất: Bán Gỗ Hương Kosso

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gỗ Hương Kosso	GH(Kosso)	m3	16.5	16.5	11.848.224,59	195.495.705
2	Gỗ Hương Kosso	GH(Kosso)	m3	33	33	11.848.224,59	390.991.412
	Cộng			49.5	49.5		586.487.117

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm mười bảy đồng./**

Ngày 20 tháng 06 năm 2017

--Số chứng từ gốc
kèm theo...

Người lập phiếu

(họ và tên)

Người nhận hàng

(họ và tên)

Thủ kho

(họ và tên)

Kế Toán trưởng

(họ và tên)

Giám đốc

(họ và tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết vật tư hàng hóa**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM**
SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA**Tháng 06****Tài khoản: 156****Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Gỗ Hương Kosso**

Đơn vị tính: m3

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu tháng								
...	
PNK081	17/06	Mua hàng hóa	331	11.857.472,1 2	16.5	195.648.290			16. 5	195.648.290
PNK082	17/06	Mua hàng hóa	331	11.843.600,8 2	33	390.838.827			49, 5	586.487.117
PXK085	20/06	Xuất kho hàng bán	632	11.848.224,5 9			49.5	586.487.117		
.....	
		Cộng phát sinh			49.5	586.487.117	49.5	586.487.117		

*Người lập**Kế toán trưởng**Giám đốc*

Biểu số 2.10: Trích bảng Tổng Hợp Nhập Xuất Tồn

Đơn vị: Công ty đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Địa chỉ: Số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, P.Đông Khê, Q.

Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Mẫu số: S08-DN

Ban hành kèm theo TT Số 200/2014-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tài khoản : 156

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: m3

Mã Hàng	Tên Hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập Kho		Xuất Kho		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
.....
GG(Doussie	Gỗ Gõ Doussie	M3			20	207.375.790	20	207.375.790		
GH (Kosso)	Gỗ Hương Kosso	M3			49,5	586.487.117	49,5	586.487.117		
.....
		Cộng			358,034	3.253.592.869,40	221,5	2.002.372.367	136,534	1.251.220.502,40

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung năm 2017**Đơn vị:** Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.**Mẫu số S03a-DN****Địa chỉ:** số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
PXK080	17/06	Xuất kho bán hàng Gõ Doussie cho Cty Minh Chính	632	207.375.790	
			156		207.375.790
HĐ0000 060	17/06	Bán hàng cho Gõ Doussie Cty Minh Chính	131	233.200.000	
			511		212.000.000
			3331		21.200.000
.....
PXK085	20/06	Xuất kho bán hàng Gõ Kosso cho cty XNK Đức Minh	632	586.487.117	
			156		586.487.117
HĐ0000 62	20/06	Bán hàng cho Gõ Kosso cho cty XNK Đức Minh	112	653.400.000	
			511		594.000.000
			3331		59.400.000
		Cộng phát sinh		432.340.820. 427	432.340.820. 427

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.11) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK632 (biểu 2.12) như sau:

Biểu số 2.12 :Trích Sổ cái 632 năm 2017

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và Khai
Khoáng Việt Nam.

Địa chỉ: số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, P.
Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. HP

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
PXK080	17/06	Xuất kho bán hàng Gỗ Doussie cho Cty Minh Chính	156	207.375.790	
...		
PXK085	20/06	Xuất kho bán hàng Gỗ Kosso cho cty XNK Đức Minh	156	586.487.117	
.....
		Cộng số phát sinh		44.118.487.9 49	44.118.487.94 9
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

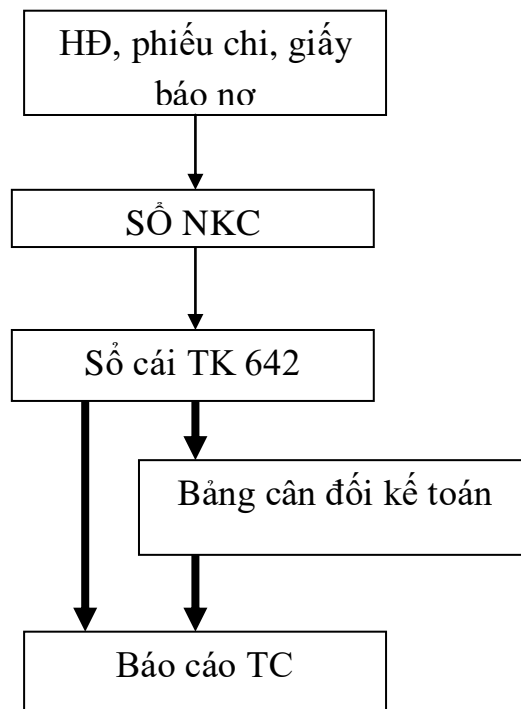
Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Nội dung kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng.
 - Phiếu chi.
 - Hóa đơn GTGT.
 - Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- ❖ Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.
 - TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
 - Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.
- ❖ Trình tự hạch toán:



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 05/06 Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt: 154.998 (chưa thuế).



Đk: Nợ TK 642: 154.998

Nợ TK 133: 15.550

Có TK 111: 170.498

Căn cứ vào hóa đơn số 3005768 (biểu số 2.13) phiếu chi 045 (biểu số 2.14) Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.16)

Biểu số 2.13:HD 3005768

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số:01GTKT2/001															
3005768		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu (Serial No):AA/15P															
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)				Số (No): 3005768															
Mã số thuế:		 <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	0	2	8	7	9	7	7				
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7										
Viễn thông Hải Phòng																			
03036537042015																			
Địa chỉ:Ngô Quyền Hải Phòng																			
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt Nam																			
Địa chỉ(Address):Số 671, Lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.																			
Số điện thoại(Tel):0316586620Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																			
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST:		<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	1	2	9	6	7	8	0				
0	2	0	1	2	9	6	7	8	0										
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND														
1	2	3	4	5	6=4x5														
	Kỳ cước tháng:6/2016 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				154.998														
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					154.998														
Thuế suất GTGT (VAT rate):10% \times (1)= (VAT amount)(2):				Tiền thuế GTGT	15.500														
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					170.498														
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng./.																			
Ngày 05 tháng 06 năm 2016																			
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																

Biểu số 2.14 : Phiếu chi số 045

Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Số 671, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Mẫu số 02 – TT**(Ban hành theo TT số 200/2014/ BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI***Ngày 05 tháng 06 năm 2017*

Số: PC045

Nợ 642:154.998

Nợ 133: 15.500

Có 111:170.498

Người nhận tiền: Nguyễn Thanh Hương

Địa chỉ: Công ty Viễn Thông VNPT

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 3005768

Số tiền: **170.498**

(Viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng./)

Ngày 05 tháng 06 năm 2017

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Ví dụ 2:

Ngày 29/06, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho Công Ty CP Du Lịch dịch vụ Thiên Hồng Phát

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000547(biểu số 2.15), phiếu chi số 060 (biểu số 2.16) Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.17)

Định khoản

Nợ TK 642: 5.500.000

Nợ TK 133: 550.000

Có TK 111: 6.050.000

Biểu số 2.15. Hóa đơn GTGT số 0000547

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: /15P		
Liên 2: Giao cho người mua			Số: 0000547		
Ngày 29 tháng 06 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Du Lịch Dịch Vụ Thiên Hồng Phát					
Mã số thuế: 0201253931					
Địa chỉ: Số 04 loo2B khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. HP					
Điện thoại: 0313556816					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam					
Số tài khoản:					
Địa chỉ: Số 671 lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán:TM....; Mã số thuế:...0201296780.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Tiếp khách ăn uống				5.500.000
Cộng tiền hàng:					5.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			550.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.050.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (ký ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

Biểu số: 2.16. Phiếu chi 060

Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam
Số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT số 200/2014/ BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 06 năm 2017

Số: PC060

Nợ 642: 5.500.000

Nợ 133: 550.000

Có 111: 6.050.000

Người nhận tiền: Lê Thị Huyền Trang

Địa chỉ: Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam

Lý do chi: Thanh toán chi phí tiếp khách

Số tiền: 6.050.000

(Viết bằng chữ: **Sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./**)

Ngày 29 tháng 06 năm 2017

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung năm 2017

(Mẫu số S03a-DN

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam

(Ban hành theo TT số

Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P.

200/2014/ BTC

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
PC045	05/06	Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt	642	154.998	
			133	15.500	
			111		170.498
.....
HD000054 7-PC060	29/06	Thanh toán chi phí tiếp khách	642	5.500.000	
			133	550.000	
			111		6.050.000
.....
		Cộng phát sinh		432.340.820.42 7	432.340.820.42 7

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.17) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK642 (biểu 2.18) như sau:

Biểu số 2.18: Trích Sổ cái 642 năm 2017

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng
Việt Nam
Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, P.
Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2017

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642 Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
PC045	05/06	Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt	111	154.998	
...		
BTTL T3	28/06	Tính lương tháng 03 cho nhân viên	334	33.188.333	
...		
PC060	29/06	Thanh toán chi phí tiếp khách	111	6.050.000	
				
		Cộng số phát sinh		922.367.186	922.367.186
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào dịch vụ vận tải nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có

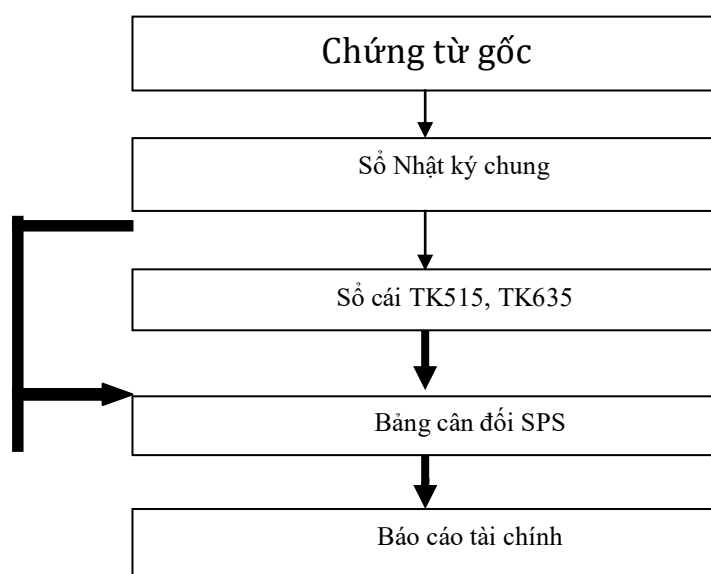
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ kế toán sử dụng

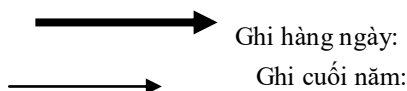
- Sổ cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ cái TK 635 – Chi phí tài chính

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:



Ví dụ minh họa: Lãi tiền gửi tháng 06 năm 2017

Căn cứ GBC (biểu số 2.19) Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20)

ĐK: Nợ TK 112: 65.820

Có TK 515 : 65.820

Biểu số 2.19 :Giấy báo có

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển
nông thôn Trần Phú Hải Phòng**

**GIẤY BÁO CÓ***Credit slip*

Số No: 000102

Ngày Date: 25/06/2017

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG BENEFICIARY**Số tài khoản** A/c number: : 2125201004525**Tên Tài khoản** A/c name: Công ty cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam.Số tiền bằng số Amount
in figures**65.820 VNĐ****ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** PAYMENT**Số tài khoản** A/c number:**Tên Tài khoản** A/c name:**Số tiền bằng chữ** Amount in words: **Sáu mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi đồng.****Nội dung** Remarks: Lãi tiền gửi tài khoản nhập gốc**Giao dịch viên**

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung năm 2017**Đơn vị:** Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam**(Mẫu số S03a-DN)****Địa chỉ:** số 671, lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P.(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của
BTC)

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
GBC 0000068	25/05	Lãi tiền gửi tháng 05	112	39.670	
			515		39.670
.....
GBC000 102	25/06	Lãi tiền gửi tháng 06	112	65.820	
			515		65.820
.....
		Cộng phát sinh		432.340.820.42 7	432.340.820.42 7

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.20) kế toán tiền hành ghi sổ cái TK515 (biểu 2.21) như sau:

Biểu số 2.21 :Trích Sổ cái 515 năm 2017

Đơn vị:Công ty CP đầu tư và khai khoáng
Việt Nam
Địa chỉ:số 671, lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, P.

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
GBC 0000068	25/05	Lãi tiền gửi tháng 05	112		39.670
...		
GBC 000102	25/06	Lãi tiền gửi tháng 06	112		65.820
				
		Cộng số phát sinh		4.383.289	4.383.289
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung TK 711 – Thu nhập khác
- Sổ cái TK 811 – Chi phí khác.

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

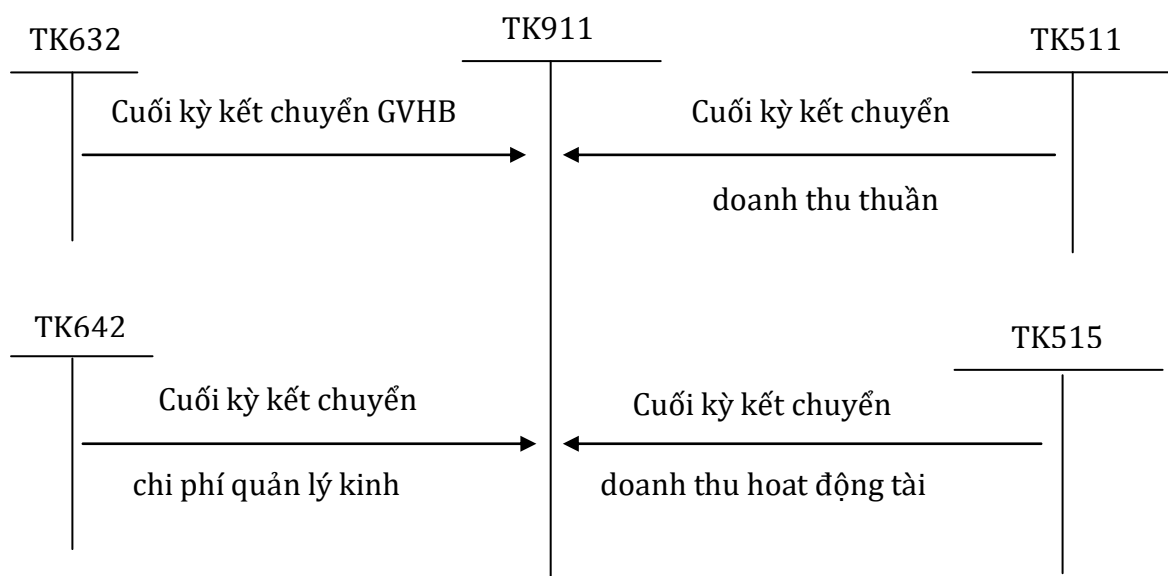
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng

- Sổ cái TK 911
- Sổ cái TK 821
- Sổ cái TK 421

❖ Trình tự hạch toán:



Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 020,021,022,023,024 (**Biểu số 2.22, 2.23,2.24,2.25,2.26**)

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.27**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.28**) phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.29**), Phản ánh sổ cái TK 821(**Biểu số 2.30**), Phản ánh sổ cái TK 421(**Biểu số 2.31**)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán

Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

Số 671, lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô

Quyền, TP.Hải Phòng.

Mã số thuế : 0201296780

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 020

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	45.066.545.261
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.283.289
	Cộng			45.070.828.550

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

.Biểu số 2.23: Phiếu kế toán

Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam
Số 671, lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô
Quyền, TP.Hải Phòng.
Mã số thuế : 0201296780

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	44.118.487.949
3	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	922.367.186
	Cộng			45.040.846.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán

Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam
Số 671, lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô
Quyền, TP.Hải Phòng.
Mã số thuế : 0201296780

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 022

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí Thuế TNDN	821	3334	5.996.483
	Cộng			5.996.483

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán

Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam
Số 671, lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô
Quyền, TP.Hải Phòng.
Mã số thuế : 0201296780

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 023

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Thuế TNDN	911	821	5.996.483
	Cộng			5.996.483

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

Công ty CP đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam
Số 671, lô 22, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô
Quyền, TP.Hải Phòng.
Mã số thuế : 0201296780

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 024

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	23.985.932
	Cộng			23.985.932

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2017**Đơn vị:** Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam**(Mẫu số S03a-DN****Địa chỉ:** số 671, lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P.**(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của
BTC)**

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển DTBH	511	45.006.545.261	
				911		45.006.545.261
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	4.283.289	
				911		4.283.289
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	44.118.478.949	
				632		44.118.478.949
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	922.367.186	
				642		922.367.186
31/12	PKT22	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	5.996.483	
				3334		5.996.483
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911	5.996.483	
				821		5.996.483
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển lãi	911	23.985.932	
				421		23.985.932
			Cộng phát sinh		432.340.820.42 7	432.340.820.427

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.28: Trích Sổ cái 911 năm 2017

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng
Việt Nam

Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, P.

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		45.066.545.261
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		4.283.289
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	44.118.478.949	
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	922.367.186	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	821	5.996.483	
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển lãi	421	23.985.932	
			Cộng số phát sinh		45.070.832.550	45.070.828.550
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29: Trích Sổ cái 821 năm 2017

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng
Việt Nam

Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, P.

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2017

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
31/12	PKT22	31/12	Chi phí thuế TNDN	3334	5.996.483	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911		5.996.483
			Cộng số phát sinh		5.996.483	5.996.483
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30: Trích Sổ cái 421 năm 2017

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng
Việt Nam

Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, P.

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			11.145.634
...
31/12	PKT24	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		23.985.932
			Cộng số phát sinh		11.145.634	23.985.932
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			23.985.932

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam Mẫu số : B02-DN

Địa chỉ: số 671, lô 22, Đường Lê Hồng Phong, P.

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của

Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP. HP

BTC)

Mã số thuế: 0201296780

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	45.066.545.261	22.762.693.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		45.066.545.261	22.762.693.518
4. Giá vốn hàng bán	11		44.118.478.949	21.908.832.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		948.066.312	853.860.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.283.289	1.803.448
7. Chi phí tài chính	22			39.160.267
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			28.861.632
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		922.367.186	802.127.562
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		29.982.415	14.376.413
10. Thu nhập khác	31			0
11. Chi phí khác	32			87.139
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			(87.139)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	29.982.415	14.289.274
14. Chi phí thuế TNDN	51		5.996.483	3.143.640
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		23.985.932	11.145.634

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu
Lê Thị Huyền TrangKế toán trưởng
Mai Thị Thu
TrangGiám đốc
Cao Văn Kiên

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CP Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam

3.1.1. Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.

-Về công tác kế toán:

+Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

-Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

+Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

-Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

+Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2.Hạn chế

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt Nam mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác , tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt Nam chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt.

3.4.1. Kiến nghị1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán Gỗ , bán Bột Đá khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Đầu Tư Và Khai Khoáng Việt em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Chiết khấu thương mại

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Để chào mừng năm mới Công ty Cổ phần đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam có chương trình khuyến mại trong quý 1 từ 1/1/2017-31/3/2017

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
khách hàng $\geq 100m^3$	0.5%
khách hàng $\geq 300m^3$	1%

Ví dụ 1:

Ngày 15/03 bán hàng cho Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông HĐ0000032 số tiền 1.000.000.000 đồng (chưa thuế).

Công ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông mua 100m³ Gỗ Lim(TaLi) vì vậy công ty Cổ phần Đầu tư và Khai Khoáng Việt Nam khi viết hóa đơn xuất bán ngày 15/03 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 0,5%

Tổng số tiền chiết khấu là: $100 \times 10.000.000 \times 0.5\% = 5.000.000$

Biểu số 3.1 HĐ GTGT số 0000032

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 03 năm 2017				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000032	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHAI KHOÁNG VIỆT NAM Mã số thuế: 0201296780 Địa chỉ: Số 671, Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. HP Số tài khoản: 2125201004525 ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Trần Phú, HP.					
Đơn vị mua hàng: Công Ty TNHH Giấy Gỗ Hà Đông Mã số thuế: 0102147298 Địa chỉ: Số 68, Phường Hà Cầu- Quận Hà Đông- TP. Hà Nội Hình thức thanh toán:CK.....Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gỗ Lim (TaLi)	M3	100	10.000.000	1.000.000.000
2	Chiết khấu thương mại được hưởng				5.000.000
Cộng tiền hàng					995.000.000
Thuế GTGT :10%		Tiền thuế GTGT			99.500.000
Tổng tiền thanh toán					1.094.500.000
Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phân hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có

thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý. Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần Trung Thủy là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting

.....

Phần mềm kế toán *Misa*: <http://www.misa.com.vn/>



Chức năng:

MISA SNE.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm kế toán *Fast Accounting*: <http://www.fast.com.vn/>



Chức năng:

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bị cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và khai khoáng Việt Nam.

3.4.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.4.2. Về phía doanh nghiệp

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam em đã vận dụng kiến thức được học ở trường vào thực tế tại Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam:

- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.
- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng mặt hàng.

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự hướng dẫn của Cô Lê Thị Nam Phương, và sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của các chị phòng kế toán – tài chính Công ty CP đầu tư và khai khoáng Việt Nam để em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này. Mặc dù đã có cố gắng nhưng do trải nhiệm thực tế và kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em mong rằng sẽ nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ từ các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày...tháng...năm 2018
Sinh viên thực tập

Cao Thị Nụ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.*
 2. *Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải*
 3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
- TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.